RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Scanned with CamScanner

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	08
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	09 - 23

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Huỳnh Trung Hiếu	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 06 năm 2020)
Ông Lê Xuân Khôi	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2020)
Ông Bùi Nguyên Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hưng	Thành viên
Ông Hồ Sĩ An	Thành viên
Ông Đỗ Văn Huân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Trần Minh Huy	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Huệ	Thành viên
Ông Phạm Thế Nghĩa	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Đỗ Văn Huân	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Việt	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng, các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0301975289 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM
QUẬN 2 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Văn Huân
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Scanned with CamScanner

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 21.129-R/BCSX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 08 năm 2020 từ trang 05 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vicem chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem trang tiếp theo)

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.

Scanned with CamScanner

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302361789 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lục Thị Vân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Scanned with CamScanner

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**314.919.440.647**	**300.153.399.964**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**19.511.588.059**	**13.032.348.234**
1. Tiền	111	4.1	19.511.588.059	13.032.348.234
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	4.2	**138.291.010.250**	**120.153.684.971**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		20.990.879.270	20.990.879.270
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(4.780.295.270)	(4.780.295.270)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		122.080.426.250	103.943.100.971
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**154.326.031.842**	**165.541.719.603**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	150.076.685.020	163.577.462.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	1.028.688.000	691.767.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	4.809.838.173	3.202.975.867
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(1.589.179.351)	(1.930.485.482)
IV. Hàng tồn kho	**140**	4.7	**2.790.810.496**	**571.211.602**
1. Hàng tồn kho	141		2.790.810.496	571.211.602
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**-**	**854.435.554**
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	854.435.554
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**114.521.688.570**	**125.587.623.995**
I. Tài sản cố định	**220**		**101.521.688.570**	**112.587.623.995**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	101.521.688.570	112.587.623.995
Nguyên giá	222		261.761.626.876	261.714.626.876
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.239.938.306)	(149.127.002.881)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4.2	**13.000.000.000**	**13.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**429.441.129.217**	**425.741.023.959**

(Xem trang tiếp theo)

Scanned with CamScanner

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**106.290.281.947**	**91.291.589.072**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**106.290.281.947**	**91.291.589.072**
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	63.278.723.720	76.016.328.562
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.10	2.738.833.242	2.019.538.371
3. Phải trả người lao động	314	4.11	7.860.411.997	9.032.693.936
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.12	4.396.378.637	575.600.932
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.13	16.894.219.711	1.732.454.677
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.14	3.911.744.146	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.209.970.494	1.914.972.594
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**323.150.847.270**	**334.449.434.887**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.15	**323.150.847.270**	**334.449.434.887**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131.040.000.000	131.040.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131.040.000.000	131.040.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		53.070.783.332	53.070.783.332
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		114.060.604.975	114.060.604.975
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.956.898.580	6.096.869.004
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.022.560.383	30.181.177.576
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		2.103.018.000	1.301.086.685
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.919.542.383	28.880.090.891
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**429.441.129.217**	**425.741.023.959**

M.S.D.N: 0301975289 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM
QUẬN 2 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Văn Huân	**Trần Thị Lý**	**Võ Thị Ngọc Diễm**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Scanned with CamScanner

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	4.17	136.239.401.975	126.510.519.360
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		136.239.401.975	126.510.519.360
3. Giá vốn hàng bán	11	4.18	115.666.236.064	104.037.696.682
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20.573.165.911	22.472.822.678
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.19	3.686.273.787	2.949.580.072
6. Chi phí tài chính	22		109.096	(2.548.152.000)
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.20	7.764.984.179	7.823.748.743
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.494.346.423	20.146.806.007
9. Thu nhập khác	31		29.958.433	256.679.920
10. Chi phí khác	32		340.376.877	88.490.552
11. Lợi nhuận khác	40		(310.418.444)	168.189.368
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.183.927.979	20.314.995.375
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.22	3.264.385.596	4.091.399.075
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.919.542.383	16.223.596.300

M.S.D.N: 0301975289 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM QUẬN 2 - TP. HỒ CHÍ MINH

Đỗ Văn Huân	**Trần Thị Lý**	**Võ Thị Ngọc Diễm**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Scanned with CamScanner

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**16.183.927.979**	**20.314.995.375**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	4.21	11.112.935.425	11.413.430.229
Các khoản dự phòng	03		3.570.438.015	4.169.459.116
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.425	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.686.273.787)	(3.072.057.345)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**27.181.031.057**	**32.825.827.375**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		12.916.978.823	(9.834.435.684)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.219.598.894)	478.655.043
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.378.608.441)	(873.084.821)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.10	(2.818.626.326)	(3.244.172.321)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.198.332.100)	(2.731.512.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**21.482.844.119**	**16.621.277.592**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(47.000.000)	(1.171.354.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	122.477.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(84.862.601.594)	(92.254.027.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		66.725.276.315	76.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.180.724.410	1.915.662.264
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(15.003.600.869)**	**(15.387.242.008)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ	**50**		**6.479.243.250**	**1.234.035.584**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.032.348.234	12.634.926.071
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.425)	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	**70**	4.1	**19.511.588.059**	**13.868.961.655**

M.S.D.N: 0301975269 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VICEM
QUẬN 2 - T.P HỒ CHÍ MINH

Đỗ Văn Huân	**Trần Thị Lý**	**Võ Thị Ngọc Diễm**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Scanned with CamScanner

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vicem (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 24/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ cổ phần hóa từ Xí nghiệp Vận tải của Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam;
- Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301975289 ngày 24 tháng 04 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 07 năm 2020 để đổi tên công ty (tên cũ: Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên) và bổ sung ngành nghề kinh doanh.

Ngày 07 tháng 12 năm 2005, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/UBCK-GPNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với mã chứng khoán HTV.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi gần đây nhất là 131.040.000.000 VND được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	65.623.610.000	50,08	65.623.610.000	50,08
Các cổ đông khác	65.416.390.000	49,92	65.416.390.000	49,92
Cộng	**131.040.000.000**	**100,00**	**131.040.000.000**	**100,00**

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 296, Đường Trần Não, Khu phố 2, Phường Bình An, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 244 (31 tháng 12 năm 2019 là: 231).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác và không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và không hoạt động tại trụ sở);

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh vận chuyển hàng không và không hoạt động tại trụ sở);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, trừ cho thuê lại lao động);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Thu gom rác thải độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty có công ty con như sau:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Lầu 05, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	65,00%	65,00%	65,00%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán mà Công ty áp dụng là Kế toán trên máy vi tính.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2019.

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	355.977.020	162.407.747
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19.155.611.039	12.869.940.487
Cộng	**19.511.588.059**	**13.032.348.234**

(Xem trang tiếp theo)

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.2. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư cổ phiếu:						
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	20.990.879.270	14.529.888.000	(4.780.295.270)	20.990.879.270	16.210.584.000	(4.780.295.270)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 06 - 12 tháng.

Đầu tư góp vốn vào công ty con được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức (a)	13.000.000.000	-	(*)	13.000.000.000	-	(*)

(a) Khoản đầu tư này chiếm 65,00% vốn điều lệ của Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh bất động sản.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 4.23	101.125.838.619	112.727.213.518
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Thuận	15.773.826.515	14.713.666.939
Công ty Cổ phần Vận tải One Ocean	15.299.260.404	15.250.343.596
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Quốc tế	1.909.180.000	5.449.046.647
Các khách hàng khác	15.968.579.482	15.437.191.518
Cộng	**150.076.685.020**	**163.577.462.218**

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ông Đỗ Khôi Nguyên	400.000.000	400.000.000
Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ DCT	223.977.000	223.977.000
Các nhà cung cấp khác	404.711.000	67.790.000
Cộng	**1.028.688.000**	**691.767.000**

4.5. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	2.631.762.058	-	2.126.212.681	-
Ký cược, ký quỹ	690.000.000	-	300.000.000	-
Phải thu của người lao động	676.412.360	-	-	-
Phải thu khác	811.663.755	-	776.763.186	-
Cộng	**4.809.838.173**	**-**	**3.202.975.867**	**-**

4.6. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.728.703.812	139.524.461	3.013.287.990	1.082.802.508

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH MTV Cát Vạn Hưng	979.302.000	-	Trên 03 năm	979.302.000	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Cát Tường Hậu Giang	459.522.890	-	Trên 03 năm	459.522.890	-	Trên 03 năm
Công ty TNHH Long Tuyền	10.830.000	-	Trên 03 năm	10.830.000	-	Trên 03 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư & Thương mại DIC	190.452.185	95.226.093	Từ 01 đến dưới 02 năm	190.452.185	95.226.093	Từ 01 đến dưới 02 năm
Các khách hàng khác	88.596.737	44.298.368	Từ 01 đến dưới 02 năm	1.373.180.915	987.576.415	Từ 06 tháng đến dưới 02 năm
Cộng	**1.728.703.812**	**139.524.461**		**3.013.287.990**	**1.082.802.508**	

4.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.204.545.455	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	377.103.939	-	412.606.500	-
Công cụ, dụng cụ	3.725.102	-	4.045.102	-
Hàng gửi đi bán	205.436.000	-	154.560.000	-
Cộng	**2.790.810.496**	**-**	**571.211.602**	**-**

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	2.203.932.585	255.660.226.380	3.850.467.911	261.714.626.876
Mua trong kỳ	-	-	47.000.000	47.000.000
Tại ngày 30/06/2020	**2.203.932.585**	**255.660.226.380**	**3.897.467.911**	**261.761.626.876**
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	2.051.706.600	144.993.886.982	2.081.409.299	149.127.002.881
Khấu hao trong kỳ	30.445.194	10.822.640.556	259.849.675	11.112.935.425
Tại ngày 30/06/2020	**2.082.151.794**	**155.816.527.538**	**2.341.258.974**	**160.239.938.306**
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	152.225.985	110.666.339.398	1.769.058.612	112.587.623.995
Tại ngày 30/06/2020	**121.780.791**	**99.843.698.842**	**1.556.208.937**	**101.521.688.570**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 42.113.875.683 VND.

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.23	1.319.557.926	1.319.557.926	461.307.827	461.307.827
Phải trả cho người bán:				
Doanh nghiệp tư nhân Trung Tài	37.858.730.420	37.858.730.420	39.432.944.115	39.432.944.115
Công ty TNHH Vận tải Hân Tiến	5.417.872.629	5.417.872.629	7.018.744.915	7.018.744.915
Phải trả cho các đối tượng khác	18.682.562.745	18.682.562.745	29.103.331.705	29.103.331.705
Cộng	**63.278.723.720**	**63.278.723.720**	**76.016.328.562**	**76.016.328.562**

4.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	422.472.914	4.733.507.119	4.311.034.205	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.264.385.596	3.264.385.596	2.818.626.326	1.818.626.326
Thuế thu nhập cá nhân	51.974.732	461.854.265	610.791.578	200.912.045
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	797.273.496	797.273.496	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**2.738.833.242**	**9.260.020.476**	**8.540.725.605**	**2.019.538.371**

(Xem trang tiếp theo)

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho cán bộ, công nhân viên.

4.12. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí thuê ngoài vận chuyển	4.324.378.637	490.600.932
Các khoản chi phí phải trả khác	72.000.000	85.000.000
Cộng	**4.396.378.637**	**575.600.932**

4.13. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.23	7.874.979.840	-
Phải trả cho các đối tượng khác:		
Cổ tức phải trả	7.853.506.445	3.686.285
Nhận ký quỹ, ký cược	546.000.000	546.000.000
Các khoản phải trả khác	619.733.426	1.182.768.392
Cộng	**16.894.219.711**	**1.732.454.677**

4.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là khoản trích chi phí dự phòng sửa chữa lớn tài sản cố định.

(Xem trang tiếp theo)

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Vốn chủ sở hữu

4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2019	131.040.000.000	53.070.783.332	-	117.000.238.488	29.768.140.405	330.879.162.225
Lãi trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	16.223.596.300	16.223.596.300
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.157.235.491	(3.157.235.491)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.653.818.229)	(5.653.818.229)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.656.000.000)	(19.656.000.000)
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	-	-	114.060.604.975	(114.060.604.975)	-	-
Tại ngày 30/06/2019	131.040.000.000	53.070.783.332	114.060.604.975	6.096.869.004	17.524.682.985	321.792.940.296
Lãi trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	12.656.494.591	12.656.494.591
Tại ngày 01/01/2020	131.040.000.000	53.070.783.332	114.060.604.975	6.096.869.004	30.181.177.576	334.449.434.887
Lãi trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	12.919.542.383	12.919.542.383
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	3.860.029.576	(3.860.029.576)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8.493.330.000)	(8.493.330.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(15.724.800.000)	(15.724.800.000)
Tại ngày 30/06/2020	**131.040.000.000**	**53.070.783.332**	**114.060.604.975**	**9.956.898.580**	**15.022.560.383**	**323.150.847.270**

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15.2. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	13.104.000	13.104.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	13.104.000	13.104.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

4.15.3. Cổ tức

Căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17 tháng 06 năm 2020, tỷ lệ chia cổ tức là 12% trên vốn điều lệ.

4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngoại tệ các loại:		
USD	131,47	69.838,07

4.17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu dịch vụ vận tải đường thủy	124.114.218.610	116.393.372.385
Doanh thu bán vật liệu xây dựng	4.804.417.173	5.697.190.596
Doanh thu dịch vụ vận tải đường bộ	3.811.907.920	998.027.323
Doanh thu bốc dỡ hàng hóa	1.805.457.420	2.221.929.056
Doanh thu cho thuê kho	1.200.000.000	1.200.000.000
Doanh thu dịch vụ khác	503.400.852	-
Cộng	**136.239.401.975**	**126.510.519.360**
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan - Xem thêm mục 4.23	76.942.582.531	73.631.481.369

4.18. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	111.349.499.891	98.525.973.548
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.316.736.173	5.511.723.134
Cộng	**115.666.236.064**	**104.037.696.682**

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

4.20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.476.633.090	3.433.683.336
Chi phí vật liệu quản lý	98.550.899	150.747.562
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.063.909	324.744.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	290.294.869	213.904.121
Thuế phí, lệ phí	1.284.138.611	1.025.800.387
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(341.306.131)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	605.038.101	702.856.667
Chi phí khác bằng tiền	2.182.570.831	1.972.012.574
Cộng	**7.764.984.179**	**7.823.748.743**

4.21. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.201.488.923	10.090.774.958
Chi phí nhân công	22.296.549.408	23.815.076.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.112.935.425	11.413.430.229
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.978.981.787	64.570.151.578
Chi phí khác bằng tiền	1.841.264.700	1.972.012.574
Cộng	**123.431.220.243**	**111.861.445.425**

4.22. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	16.183.927.979	20.314.995.375
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	138.000.000	142.000.000
Thu nhập tính thuế	16.321.927.979	20.456.995.375
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	**3.264.385.596**	**4.091.399.075**

(Xem trang tiếp theo)

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
2. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Bất động sản Trường Thọ Thủ Đức	Công ty con
3. Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty có cùng Công ty mẹ
4. Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	Công ty cùng Tổng Công ty
5. Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	Công ty cùng Tổng Công ty
6. Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Công ty có cùng Công ty mẹ
7. Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	Công ty có cùng Công ty mẹ
8. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	98.168.008.659	108.782.187.380
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	2.203.639.826	3.293.895.044
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	706.558.746	547.299.542
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	47.631.388	103.831.552
Cộng - Xem thêm mục 4.3	**101.125.838.619**	**112.727.213.518**
Phải trả người bán:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(409.396.636)	(461.307.827)
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	(910.161.290)	-
Cộng - Xem thêm mục 4.9	**(1.319.557.926)**	**(461.307.827)**
Phải trả ngắn hạn khác - Xem thêm mục 4.13		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	(7.874.979.840)	-

(Xem trang tiếp theo)

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	71.397.719.801	67.044.044.389
Công ty TNHH Siam City Cement Việt Nam	3.098.767.332	6.145.024.180
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	2.263.892.856	-
Công ty TNHH Xi măng Siam City Nhơn Trạch	182.202.542	442.412.800
Cộng - Xem thêm mục 4.17	**76.942.582.531**	**73.631.481.369**
Thuê tài sản:		
Công ty Cổ phần Năng lượng và Môi trường Vicem	937.419.355	-
Mua dịch vụ:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	687.475.668	630.804.285
Cổ tức đã chia:		
Tổng Công ty Xi măng Việt Nam	7.874.979.840	9.843.541.500

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao của Hội đồng quản trị	120.000.000	116.000.000
Tiền lương của Tổng Giám đốc	348.000.000	348.000.000
Cộng	**468.000.000**	**464.000.000**

4.24. Thu nhập Ban kiểm soát

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	111.000.000	111.000.000

Scanned with CamScanner

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là dưới 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.307.273.496	794.260.448

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Từ 1 năm trở xuống	1.260.763.232	853.193.280

4.26. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào tháng 07/2020, dịch Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam. Ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.

Đỗ Văn Huân	**Trần Thị Lý**	**Võ Thị Ngọc Diễm**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 08 năm 2020

Scanned with CamScanner